TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2024
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Đức

2. Ông Lê Văn Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 160/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ I, ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ I, ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc T trình bày: bà và ông N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà khác biệt về quan điểm sống, ông N không chung thủy, ông bà không có thấu hiểu nhau, tin tưởng nên thường hay cãi vã, ông N còn đánh đập bà. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nhưng ông bà không có giải pháp để đoàn tụ, hiện đang sống ly thân nên bà yêu cầu ly hôn với ông N. Ông N và bà có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng B (nam) sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thảo Q (nữ) sinh ngày 07/01/2023, bà yêu cầu nuôi cháu

Thảo Q và giao cháu B cho ông N nuôi dưỡng. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng N xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 14/11/2011 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T và ông N kết hôn năm 2011, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T trình bày mâu thuẫn là do ông N không chung thủy nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy ông N đã được Tòa án triêu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy phía ông N không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian sống ly thân giữa bà T và ông N đã kéo dài mà không giải quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung, ông N và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng B (nam) sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thảo Q (nữ) sinh ngày 07/01/2023. Hiện nay cháu B đang chung sống với ông N, bà T cũng thống nhất giao cháu B cho ông N nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con", ông N và bà T không có thỏa thuận khác nên Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu B cho ông N nuôi dưỡng. Bà T, ông N hiện nay không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trường hợp đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà T khai không có, ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T đối với ông Nguyễn Hoàng N.

- *Về con chung:* giao Nguyễn Hoàng B (nam) sinh ngày 01/10/2011 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn Thảo Q (nữ) sinh ngày 07/01/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N, bà T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0001635 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã M;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa